

CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA

PHẠM THỊ TÍNH*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI xu thế hội nhập khu vực hoá, toàn cầu hóa được biểu hiện rõ nét thông qua hiện tượng qui tụ các tổ chức hoạt động xuyên quốc gia làm cho kinh tế, chính trị, văn hóa của các quốc gia thâm nhập, ảnh hưởng lẫn nhau, quan hệ xã hội ngày càng phát triển. Đây là một trong những vấn đề hiện đang thu hút được sự chú ý của các giới nghiên cứu, các nhà khoa học, các nhà làm công tác thực tiễn, các doanh nghiệp ở khắp các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam.

Toàn cầu hóa, khu vực hóa có thể được hiểu là quá trình hình thành và phát triển các thị trường toàn cầu và khu vực, làm tăng sự tương tác và tùy thuộc lẫn nhau, trước hết về kinh tế giữa các nước, thông qua sự gia tăng các luồng giao lưu hàng hóa và nguồn lực, vượt qua biên giới giữa các quốc gia cùng với sự hình thành các chế định, các tổ chức quốc tế nhằm quản lý các hoạt động và giao dịch quốc tế¹.

Hội nhập quốc tế trong điều kiện hiện nay là một tất yếu khách quan đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, thực tế nó đã tác động đến đời sống xã hội của từng quốc gia và toàn bộ các mối quan hệ quốc tế. Sự phát triển của quá trình này có ảnh hưởng sâu sắc tới vai trò của nhà nước trong quản lý xã hội, trong đó không thể không nói đến lĩnh vực luật pháp nói chung và vấn đề quyền con

* Viện Nghiên cứu Con người.

người nói riêng. Đây cũng là một trong những cơ hội và thách thức đối với mỗi quốc gia trong quá trình hội nhập, trong đó có Việt Nam.

Vậy, toàn cầu hóa có làm tăng quyền lực hay làm suy giảm vị thế của nhà nước? Toàn cầu hóa làm tăng quyền năng và vị thế của mỗi công dân trong xã hội hay làm giảm quyền năng và vị thế của công dân? Với toàn cầu hóa, nhân loại sẽ đi đến đâu và có tác động như thế nào đến con đường phát triển của các dân tộc, các quốc gia?

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN TRONG ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI HIỆN NAY.

Ở Việt Nam, vấn đề quyền con người và thực hiện quyền con người mới được quan tâm từ 1945 đến nay. Tuy nhiên đã có rất nhiều tiến bộ, đặc biệt từ những năm 1990 trở lại đây, với những chủ trương và chính sách nhân văn của Đảng và Nhà nước ta đã xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của sự nghiệp cách mạng. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách phát luật của Đảng, Nhà nước đều phấn đấu cho mục tiêu vì con người, từng bước cải thiện, chăm lo, mở rộng cơ hội lựa chọn và tăng cường năng lực cho con người để bằng trí tuệ và tài năng của mình đóng góp cho xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bản thân con người, thể hiện ở một số nội dung chủ yếu:

- Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của dân tộc, là giá trị chung của nhân loại cần được tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình phát triển nó luôn kế thừa, phát huy và phát triển những truyền thống tốt đẹp để phục vụ cho mục đích cao cả “cho con người và vì con người”.

- Sự nghiệp giải phóng con người gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội. Quyền con người ở Việt Nam không có sự phân biệt giữa các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Quyền con người gắn liền với quyền dân tộc và chủ quyền quốc gia, nó được đảm bảo ở phạm vi quốc tế trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia và theo nguyên tắc của pháp luật quốc tế.

- Quyền con người là giá trị phổ biến của toàn nhân loại theo nguyên tắc của luật quốc tế được áp dụng ở mọi nơi đối với mọi người; đồng thời nó cũng mang tính đặc thù của mỗi quốc gia, dân tộc mà công dân đó mang quốc tịch. Quyền con người khi mang các đặc trưng riêng của quốc gia, của dân tộc thì nó trở thành quy chế pháp lí của công dân sống trong quốc gia đó. Quyền con người chứa đựng những giá trị phổ quát song cũng chứa đựng những giá trị riêng bởi một cá nhân, một nhóm người, một cộng đồng. Nói cách khác, quyền con người vừa mang tính phổ quát vừa mang tính đặc thù.

- Quyền con người, quyền công dân là một hình thái ý thức xã hội, tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, văn hóa và giá trị truyền thống riêng của từng quốc gia. Quyền con người ngày càng được mở rộng, phát triển và hoàn thiện trên cơ sở sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội để có các chính sách phát luật cho phù hợp. Quyền con người, quyền công dân luôn được bổ sung và phát triển của xã hội cũng như phù hợp với trình độ dân trí của công dân.

- Pháp luật là một trong những điều kiện quan trọng, một công cụ hữu hiệu để thực hiện để quyền con người, quyền công dân. Trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền hiện nay, quyền con người phải gắn với bản chất xã hội. Bản chất nhà nước Việt Nam là *“nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả các hoạt động trong xã hội phải đảm bảo vì con người, phục vụ con người”*, phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương, tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân để nâng cao ý thức chấp hành, tôn trọng pháp luật, thực hiện đảm bảo quyền con người. Song song với các chính sách, biện pháp trên, Nhà nước tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền công dân của mình, quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

- Để bảo vệ và phát triển quyền con người phải xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, tiếp tục đấu tranh giữ vững chủ quyền dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng của dân tộc, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đề cao giá trị con người, tạo điều kiện quan tâm phát huy, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc nhằm xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, hiện đại; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, chăm lo phát triển mọi mặt đời sống của con người dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng xã hội, xác định bảo vệ và phát triển con người là nhiệm vụ lâu dài của Đảng và Nhà nước ta.

III. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU NHẪM THỂ CHẾ HOÁ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA.

Quá trình hình thành, đấu tranh bảo vệ và phát triển quyền con người đã diễn ra trong các thời kỳ lâu dài và khác nhau trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chăm lo, phát triển từng bước nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống quyền con người. Trong thời gian qua Việt Nam đã tiến hành nhiều biện pháp trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm tăng cường vai trò của pháp luật, đảm bảo thực thi pháp luật về quyền con người nhờ đó mà hệ thống pháp luật về quyền con người ngày càng được bổ sung và từng bước hoàn thiện, các thể chế chính sách dần được xác lập tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền con người. Đảng và Nhà nước ta đã xác định tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị xã hội xây dựng một xã hội phồn vinh với mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, xã hội công*

bằng dân chủ, văn minh” - một xã hội trong đó con người với con người là bình đẳng, được tôn trọng bảo vệ và có điều kiện để thực hiện các quyền của mình.

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã tác động đến mối quan hệ lệ thuộc tương tác giữa các quốc gia. Thực tế đó đòi hỏi mỗi quốc gia trong hành trình hội nhập của mình vào đời sống quốc tế phải biết kết hợp các giá trị truyền thống, điều kiện kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội của mình với những chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế và thực hiện các điều ước quốc tế. Với những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, việc thể chế hoá các chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền con người, quyền công dân có ý nghĩa rất quan trọng:

- Hệ thống hoá các văn bản pháp luật về quyền con người, quyền công dân là cơ sở tiên quyết để xây dựng nhà nước pháp quyền - quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật, tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền con người. Chúng ta đã có những bước tiến quan trọng trong quá trình lập pháp, tuy nhiên trong quá trình bổ sung và hoàn thiện vẫn còn những điểm bất cập trong việc chuyển hoá giữa luật quốc gia và điều ước quốc tế.

Trong vài năm gần đây, chúng ta liên tục sửa đổi, bổ sung và ban hành mới rất nhiều bộ luật, pháp lệnh có liên quan đến vấn đề con người, quyền con người. Song, giữa điều ước quốc tế và luật quốc gia vẫn còn những khoảng cách, chúng ta đang tiếp tục hoàn thiện để rút ngắn khoảng cách đó, hệ thống pháp luật của chúng ta còn thiếu đồng bộ, không thống nhất và thiếu tính ổn định, xa rời thực tiễn. Nhiều quy định trong Hiến pháp chưa được chi tiết hoá, cụ thể hoá dẫn đến tình trạng áp dụng tùy tiện, không thống nhất.

Hiện nay để hoạt động pháp luật đáp ứng được yêu cầu của xã hội, phải có những nghiên cứu cụ thể, kịp thời sao cho tương đối đồng bộ, thống nhất tránh mâu thuẫn chồng chéo. Các quy định về quyền con người cần được cụ thể hoá bằng các văn kiện pháp lý làm cơ sở cho việc thực thi phổ biến, làm cho nó có giá trị thực tiễn và phù hợp với điều ước quốc tế. Để chúng có giá trị và hiệu quả cao phải thường xuyên rà soát và pháp điển hoá các quy định về quyền con người nhằm loại bỏ những quy phạm không còn phù hợp và bổ sung kịp thời những quy phạm mới đáp ứng nhu cầu bức xúc của xã hội.

- Cần có kế hoạch tổng thể trong chiến lược xây dựng pháp luật quốc gia hàng năm và dài hạn, trong đó chú trọng đến nhiệm vụ cụ thể hoá pháp luật về quyền con người đã được quy định trong hiến pháp hiện hành. Cần xác định những quy phạm hợp lý để cụ thể hoá sâu rộng hơn; quy định cơ chế đảm bảo thực thi trên cơ sở kế thừa, chọn lọc và kết hợp đồng bộ giữa luật quốc gia và điều ước quốc tế về quyền con người đáp ứng các yêu cầu của xu thế hội nhập, hợp tác và phát triển trong khu vực và thế giới, góp phần thúc đẩy tiến trình ổn định hoà bình an ninh khu vực và thế giới. Đồng thời chúng ta cũng phải cố gắng, nỗ lực tích cực tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người; thực

hiện tốt các chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước cũng như các nghĩa vụ trong các cam kết quốc tế về quyền con người; đẩy mạnh quá trình nghiên cứu, đánh giá và xem xét để ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam chưa tham gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thực hiện quyền con người bằng các biện pháp, chính sách cụ thể phù hợp nhằm khắc phục kịp thời những hạn chế và khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn mà lâu nay vẫn tồn tại trong quá trình thực hiện. Chúng ta cần phải đẩy mạnh tiến trình thực hiện cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, quy định rõ ràng, cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan để tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Có kế hoạch để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức chính trị và trình độ chuyên môn; khắc phục những yếu kém còn tồn tại như tệ quan liêu, tham ô, hách dịch cửa quyền. Các cơ quan nhà nước cần ban hành quy chế hoạt động, tiếp dân phù hợp, giải quyết các vướng mắc, khiếu tố, khiếu nại của dân để đảm bảo quyền lợi cho dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân để tăng cường ý thức pháp luật, nâng cao nhận thức bảo vệ quyền con người. Cần xây dựng những kế hoạch cụ thể, chiến lược lâu dài và bền vững để quán triệt, phổ biến tuyên truyền, giáo dục về chấp hành pháp luật, tôn trọng pháp luật và thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế về quyền con người được chuyển hoá vào hệ thống pháp luật quốc gia.

- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng nhà nước pháp quyền, từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng trong hoạt động của các cơ quan công quyền. Tăng cường hoạt động lập pháp để sớm tạo ra các khung pháp lý cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tế của kinh tế, chính trị và xã hội. Tăng cường cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát hiện những sơ hở yếu kém để khắc phục kịp thời những hạn chế hoặc những vi phạm các quy định về quyền con người.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ làm báo cáo quốc gia về quyền con người theo quy định của điều ước quốc tế để thực hiện cho nhiệm vụ chính trị đối nội và đối ngoại của đất nước. Trong thời gian qua chúng ta đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nghĩa vụ làm báo cáo, đã hoàn thành 9 báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế khác quan tâm đến vấn đề quyền con người, ban hành nhiều văn bản pháp luật quốc tế về lĩnh vực này là sự thể hiện tầm quan trọng của vấn đề và phản ánh nỗ lực chung của nhân loại trong tiến trình hướng đến sự tôn trọng con người về phẩm giá và sự tự do lựa chọn các mục tiêu, các giá trị riêng. Thực tế, trong tiến trình hội nhập một hiện tượng phổ biến diễn ra là: các nước phát triển có trình độ khoa học và công nghệ tiên

tiến sẽ có ưu thế hơn trong việc đưa ra những qui định chung, áp đặt các tiêu chuẩn về quyền con người, quyền công dân đối với tổ chức, các nước nhỏ. Các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển nhiều khi buộc phải chấp nhận và tuân thủ theo những tiêu chuẩn, quy chế chung khi đã tham gia “cuộc chơi” cho dù tiêu chuẩn, quan niệm về quyền con người, quyền công dân ở mỗi quốc gia, khu vực có những giá trị rất khác nhau, sự va chạm giữa các nền văn hóa của các quốc gia là tất yếu.

Xác định những bước đi cụ thể của quá trình hội nhập, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII khẳng định: “Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp”³. Chủ trương hội nhập được cụ thể hóa trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng: “chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, luật pháp và nhất là về các sản phẩm mà chúng ta có khả năng cạnh tranh để hội nhập thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA”⁴.

Hội nhập đang chi phối mọi hoạt động thực tiễn hàng ngày trong xã hội Việt Nam, vấn đề đặt ra là kết hợp các khái niệm toàn cầu hóa và khu vực hóa như thế nào. Việt Nam đã là thành viên của ASEAN, AFTA, APEC, đặc biệt là đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị ASEM 5, SEGAME 22 đây là một minh chứng cho việc lựa chọn bước đi đúng đắn của Việt Nam. Điều quan trọng là Việt Nam đã biết kết hợp lấy bước đi tham gia khu vực hóa làm bước đệm để tham gia toàn cầu hóa và lấy bước tham gia toàn cầu hóa thúc đẩy tham gia khu vực hóa, hai bước đi này hỗ trợ và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

Việt Nam là thành viên của Liên hợp quốc và lần lượt tham gia các công ước quốc tế, các nghị định thư cơ bản về quyền con người đã chứng tỏ sự sẵn sàng hội nhập của Việt Nam. Trong đó tiêu biểu là *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* (12/1979), Việt Nam ký tháng 8/1980 và phê chuẩn tháng 11/1981; *Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc* (12/1965) Việt Nam gia nhập tháng 6/1981; *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* (12/1966) Việt Nam gia nhập tháng 9/1982; *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* (12/1966) Việt Nam gia nhập tháng 9/1982; *Công ước về Quyền trẻ em* (11/1989), Việt Nam tham gia tháng 2/1990. Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban nhân quyền của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2001-2003 và được cộng đồng quốc tế đánh giá là “một trong những nước có thành tích xóa đói giảm nghèo nhanh nhất”, là một trong số ít quốc gia ổn định về chính trị, đảm bảo về an ninh trật tự xã hội.

Việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở nước ta không chỉ được thể hiện bằng những qui định trong pháp luật hay những chính sách nhất định

mà còn được thể hiện bằng một hệ thống các thể chế của nhà nước pháp quyền XHCN; là sự thừa nhận quyền sở hữu của tất cả mọi người và quyền tự do sản xuất kinh doanh, mục tiêu phấn đấu của Đại hội Đảng lần thứ IX là hướng vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đây là sự bảo đảm vững chắc các quyền tự do cơ bản của người dân.

Quyền kinh doanh là một trong những quyền quan trọng của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 1992, tại Điều 57 qui định “Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật. Để cụ thể hoá quyền này Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp (6/1999) có hiệu lực từ ngày 1.1.2000 thay thế cho luật Doanh nghiệp tư nhân và luật Công ty (1990) đồng thời kế thừa các chế định về quyền tự do kinh doanh đã được thực tế kiểm nghiệm, phát triển, nâng cao một bước cơ bản theo hướng cải cách xoá bỏ cơ chế “xin - cho”, cắt bớt các phiền hà trong việc xin giấy phép thành lập, tạo khung pháp lý bình đẳng của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Luật khuyến khích đầu tư trong nước (1994), cũng là bước đột phá trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới, làm thay đổi về cơ bản địa vị pháp lý của các doanh nghiệp tham gia đầu tư trên đất nước Việt Nam. Các thủ tục trong việc xin cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp đã được giảm gọn đáng kể từ 98 ngày xuống còn 7 ngày. Chính phủ đã bãi bỏ trên 150 giấy phép mang tính trói buộc, quan liêu. Đây cũng là một quá trình khẩn trương, liên tục sửa đổi luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1990, 1992 và 1996), cho thấy chính sách đối ngoại của Việt Nam luôn thay đổi cho phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

Quá trình “nội luật hoá” không thể không kể đến Bộ luật Lao động thông qua năm 1994 là biểu hiện rõ nét việc vận dụng nhiều tiêu chuẩn lao động của Tổ chức lao động thế giới (ILO). Báo cáo Hội nghị sơ kết 3 năm thi hành Bộ luật Lao động (2.7.1998) do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì đã có nhận xét “Chính sách của Đảng về việc làm đã được thể chế hoá trong Bộ luật Lao động, tạo ra một sự chuyển biến mới về nhận thức trong vấn đề việc làm và giải quyết việc làm. Trong kinh tế thị trường, người lao động đã được đặt vào vị trí cụ thể, có quyền tự do lao động, tự tìm việc làm, tạo việc làm cho người khác trong khuôn khổ pháp luật, không bị phân biệt đối xử dù làm việc trong hay ngoài khu vực nhà nước”. Ngày 22.2.2002 Chính phủ đã có tờ trình về dự án luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động đã chỉ rõ: Bộ luật Lao động đã “tạo cơ sở pháp lý tương đối đồng bộ, bình đẳng để điều chỉnh quan hệ lao động. Trong quá trình thực hiện, Bộ luật Lao động đã phát huy tác dụng bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên quan hệ lao động đã được áp dụng; vai trò quản lý nhà nước về lao động từng bước được tăng cường”.

Trước sự phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu của công cuộc đổi mới việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Lao động đã được đặt ra tại kỳ họp

thứ 11 Quốc hội khoá X (22.4.2002) đã xem xét và thông qua luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho công dân trong việc thực hiện quyền rất cơ bản của con người: quyền lao động.

Việc mở rộng và nâng cao hệ thống, phạm vi các quyền không hoàn toàn chỉ như là hệ quả của sự phát triển kinh tế, mặc dù yếu tố này là rất quan trọng nhưng yếu tố quyết định là do chủ trương dân chủ hoá mọi mặt của đời sống xã hội. Sự ra đời của Bộ luật Dân sự 1995 với 838 điều - Bộ luật lớn nhất mang tính xã hội hóa được xem là sự kiện đặc sắc trong sự mở rộng và phát triển trong lĩnh vực quyền con người, quyền công dân, trong đó từ điều 172 đến điều 285 quy định về "Tài sản và quyền sở hữu tài sản". Những quyền cơ bản mà công dân Việt Nam được hưởng như tự do kinh doanh theo pháp luật, sở hữu về thu nhập và tài sản hợp pháp, quyền khiếu nại tố cáo, tiếp cận với tòa án, thành lập các hội doanh nhân nước ngoài tại Việt Nam cũng được áp dụng cho người nước ngoài đang làm ăn, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Ngoài ra, Luật khiếu nại tố cáo, Pháp lệnh Trọng tài và nhiều văn bản pháp luật khác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đầu tư kinh doanh, thương mại, sở hữu trí tuệ, tài nguyên, khoáng sản đều được xây dựng trên tinh thần tiếp thu, kế thừa có chọn lọc các chế định pháp luật được ghi nhận trong các điều ước quốc tế và được chuyển hoá dần phổ biến trong pháp luật quốc gia. Quyền khiếu nại của công dân trong việc đưa hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại cho người dân, cho nhà nước của cán bộ, công chức nhà nước được ghi nhận trong pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua năm 1996 - công dân có quyền khiếu kiện ra Tòa án và yêu cầu khôi phục các lợi ích bị xâm hại. Đây là một cải cách lớn theo tinh thần dân chủ từ quyền khiếu nại đến quyền khiếu kiện của người dân. Yếu tố mệnh lệnh - hành chính được thay bằng phương thức điều chỉnh dân sự.

Trong hệ thống chính sách pháp luật của Việt Nam các quyền của công dân đều được ghi nhận và bảo vệ, tất cả đều xuất phát từ đặc điểm của quan hệ xã hội mà mỗi lĩnh vực pháp luật, ngành luật có cách thức bảo vệ riêng của mình. Việt Nam đang tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo những điều kiện pháp lý thống nhất và ổn định, khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện ngày một tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của con người.

IV. CÁC THÀNH TỰU TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN MÀ VIỆT NAM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Các nguyên tắc cơ bản bảo đảm quyền con người đã được thể chế hóa ngày một cụ thể hơn trong các văn bản pháp luật. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ trên các lĩnh vực chính trị, dân sự, nguyên tắc bình đẳng giới đã được xem là một nguyên tắc xuyên suốt trong hệ thống pháp luật quốc gia. Trong các văn bản, giấy tờ nhà đất trước đây chỉ ghi tên người chồng, nay có cả tên người vợ, đây là sự bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ. Vai trò

của phụ nữ trong đời sống chính trị, xã hội ngày càng được đề cao, tỷ lệ đại biểu là nữ trong Quốc hội từ khóa VIII đến khóa XI đã tăng liên tiếp lần lượt là 17%, 18,4%, 26,22% và 27,31%; xét tỷ lệ này, Việt Nam đứng thứ 2 trong khu vực và đứng thứ 9/135 quốc gia trên thế giới.

Nguyên tắc cấm hồi tố trong luật hình sự đã được bảo vệ, đây được coi là nội luật hóa một nguyên tắc của luật quốc tế - Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị - 1996. “Nghiêm cấm tra tấn, nhục hình và đối xử vô nhân đạo với tù nhân, quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín ...”. Rất nhiều quyền tự do của công dân được đảm bảo ngày càng tốt hơn.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 khóa IX của Đảng đã xác định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH. Trong thời kỳ đổi mới, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được bảo vệ tốt hơn”. Việt Nam có 24% dân số có đạo, các cơ sở đào tạo chức sắc của nhiều tôn giáo được mở rộng đáng kể. Các đại diện tôn giáo đã có mặt trong các cơ quan quyền lực các cấp.

Trên lĩnh vực bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc chung sống trên lãnh thổ Việt Nam đã được ghi nhận trong Hiến pháp 1992, số đại biểu Quốc hội là dân tộc thiểu số ngày càng nhiều. Đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số được cải tiến rõ rệt, cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể, 93% số xã có đường ô tô đến trung tâm, điện lưới quốc gia đã đến 86% số xã. Chương trình quốc gia 135 đã cung cấp 3.222 tỷ đồng giúp đồng bào phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Về công tác giáo dục đào tạo: Nhà nước đã dành cho đồng bào dân tộc thiểu số nhiều ưu đãi như chính sách tuyển cử vào các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí trong Hiến pháp 1992 được mở rộng và cụ thể hơn. Điều 69 qui định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”. Luật Báo chí sửa đổi năm 1999 còn qui định “báo chí không bị kiểm duyệt”. Hệ thống phát thanh truyền hình đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Năm 1999, 85% số xã được phủ sóng phát thanh và 92,3% số xã được phủ sóng truyền hình, dự kiến đến năm 2005 tất cả các vùng trên cả nước sẽ được phủ sóng. Ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên đã được sử dụng trong các chương trình phát thanh truyền hình.

Quyền về giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân được ưu tiên phát triển. Nhà nước coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế xã hội. Theo Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển Con người của Việt Nam hàng năm đều có xu hướng tăng và chỉ số phát triển con người về mặt xã hội cao hơn chỉ số phát triển kinh tế.

Trong lĩnh vực xã hội, đổi mới đã tạo điều kiện để nhân dân có nhiều cơ hội hơn trước để thực hiện quyền dân chủ trong các hoạt động kinh tế, xã hội. Tháng 2-1998, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra chỉ thị về “Xây dựng và thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở” với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, quyền dân chủ, quyền làm chủ của người dân trên mọi phương diện của đời sống xã hội từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội đã được bảo đảm và phát huy trong thực tế cuộc sống.

Việc tăng cường mạnh mẽ các mối quan hệ giao lưu quốc tế, sự mở cửa hội nhập làm đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập cảnh, sự xuất hiện ngày càng đông những người nước ngoài trên đất nước Việt Nam. Pháp luật Việt Nam thừa nhận quyền tự do hôn nhân không phụ thuộc vào quốc tịch, quyền tự do đi lại trong nước và ra nước ngoài học tập đang làm thay đổi hẳn cách nhìn, thái độ của xã hội đối với vấn đề người nước ngoài. Một trong số những nổi cộm diễn ra và khá bức xúc hiện nay là vấn đề kết hôn với người nước ngoài.

Hiện đang xuất hiện và gia tăng tình trạng công dân nhiều quốc tịch từ quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, làm con nuôi người nước ngoài xung đột pháp luật. Có thể nói đây là một trong những mặt trái, sự quá đà của “Mở cửa hội nhập” điều này đặt ra vấn đề định hướng, cần phải chú ý đến bước đi, lộ trình, danh giới trong từng giai đoạn phát triển, ngăn ngừa những bước trượt làm ảnh hưởng đến uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

Từ thực tế trên đã nảy sinh yêu cầu làm “mềm hóa” các phạm trù quốc tịch, công dân đòi hỏi một yêu cầu có tính bao trùm với cả hệ thống pháp luật và đặc biệt đối với pháp luật về quyền con người, quyền công dân và song song với nó là hệ thống tư pháp của mỗi nước cần phải trở nên trong sáng, công khai, minh bạch, thống nhất và bình đẳng.

Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, pháp luật còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo chưa theo sát sự biến động của thực tiễn xã hội. Chúng ta đang bổ sung, hoàn thiện cả về số lượng lẫn chất lượng, nâng cao tính đồng bộ, tính toàn diện hạn chế bớt những kẽ hở và bất cập của hệ thống Luật tạo môi trường pháp lý an toàn, thân thiện, bình đẳng đáp ứng nhu cầu của hội nhập - toàn cầu hoá.

KẾT LUẬN

Quyền con người là một trong những vấn đề quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm điều này được thể hiện rõ ở việc: “xác định con người là vị trí trung tâm trong các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội”, “con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực” để phát triển. Quyền con người luôn là phạm trù mang tính chính trị - pháp lý có quá trình phát triển lâu dài. Trong quá trình phát triển cần có giải pháp mang tính chiến lược để cùng quan tâm hoàn thiện và phát triển, tôn trọng và bảo đảm cho các quyền con người được thực

hiện trong đời sống xã hội. Chúng ta đã tham gia nhiều điều ước quốc tế về quyền con người và đang dần chuyển hoá nó vào các văn bản pháp luật trong nước, tuy nhiên cần chủ động tích cực hơn nữa trong việc tham gia các điều ước và tiếp tục tập trung để hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về vấn đề nhân quyền và bảo vệ nhân quyền.

Toàn cầu hóa sẽ làm tăng vị thế của mỗi công dân trong xã hội nhưng không phải vì thế mà toàn cầu hóa sẽ làm suy giảm vị thế của nhà nước. Việc nghiên cứu các tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, đề ra các giải pháp để có thể thích ứng với toàn cầu hóa và một lộ trình hội nhập là rất quan trọng. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng vừa tích cực, vừa tiêu cực đến quyền con người, quyền công dân nói riêng và cả hệ thống pháp luật nói chung. Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam là không thể tìm cách né tránh để bị cô lập, bị tụt hậu hay chấp nhận một cách thụ động mà chúng ta phải khẩn trương huy động nội lực ở mức độ cao để lựa chọn, sàng lọc giữa cái riêng - bản sắc văn hoá dân tộc truyền thống với cái chung của dòng chảy toàn cầu hoá, cái giá trị phổ biến của tiến bộ văn minh nhân loại. Hiện đại nhưng vẫn có bản sắc riêng, truyền thống nhưng vẫn hợp thời đại - hội nhập chứ không hoà tan(**).

Tài liệu trích dẫn và tham khảo

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 1/2006.

1. Nguyễn Bá Diễn. *Tác động của Toàn cầu hoá, khu vực hoá & Hội nhập kinh tế quốc tế đến vai trò của Nhà nước* - TC Nhà nước và Pháp luật số 5/2004
2. Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.77.
3. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.91.
4. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV BCH Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.60.
5. Hoàng Văn Bính. *Toàn cầu hoá và quyền công dân ở Việt Nam nhìn từ khía cạnh văn hoá*- Nxb. Chính trị Quốc gia, 2003.
6. Cao Đức Thái. *Những thành tựu cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Cộng sản, số 5/2005.
7. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001.

8. Kim Ngọc. *Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế*.
9. Quyền con người các văn kiện quan trọng- Viện Thông tin KHXH, HN 1998.
10. Hiến Pháp 1992 sửa đổi.
11. *Báo Đời sống và Pháp luật* số 12 (28.4.2005).
12. *Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền hiện nay* - TC. Cộng sản số 3, T2/ 2005.
13. Trần Thanh Hương. *Một số vấn đề về phạm vi thực hiện các quyền hiến định của công dân ở nước ta* - Tạp chí NN và PL số 5/2004.
14. Tạ Quang Ngọc. *Bảo vệ quyền con người tại Việt Nam: chính sách và pháp luật trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay* - TC NN và PL số 8/2005.
15. Phạm Hữu Nghị - *Cải cách tư pháp với việc bảo đảm sự tôn trọng và bảo vệ quyền công dân* -TC NN và PL số 9/2004.